

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 7 - 2018.

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kim

2. Ông Nguyễn Văn Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2018/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2018 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXX-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị Ch, sinh năm 1974 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phùng Văn R (R), sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng trú tại: Ấp T, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông bà Mai Thị Ch trình bày:

Về hôn nhân: Bà Mai Thị Ch và ông Phùng Văn R (sau đây gọi tắt là bà Ch, ông R) chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống được khoảng 25 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông R thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn và chăm lo cho gia đình, thiếu quan tâm đến vợ con. Bà Ch nhiều lần khuyên nhưng ông R không sửa đổi, ngược lại còn chửi bà Ch. Xét thấy tình cảm

vợ chồng không thể hàn gắn, bà Ch yêu cầu ly hôn với ông R.

Về con chung: Bà Ch và ông R có 04 người con chung tên Phùng Văn Trí, sinh năm 1991, Phùng Thị Linh, sinh năm 1996, Phùng Ngọc Huệ, sinh năm 1997, Phùng Văn Vũ, sinh năm 1999; hiện 04 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phùng Văn R được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông R không có ý kiến.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); đơn xác nhận nơi cư trú (bản gốc); Giấy khai sinh (bản sao); Bản tự khai của bà Ch.

Tài liệu do bị đơn cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông R được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Trong quá trình xét xử vụ án ông R cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông R.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Ch và ông R chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân giữa bà Ch và ông không hợp pháp. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Mai Thị Ch và ông Phùng Văn R theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung:* Chúc và ông R có được 04 người con chung đều đã trưởng thành, bà Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. *Về chia tài sản chung và nợ chung:* Bà Ch không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Bà Ch phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006839 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Mai Thị Ch và ông Phùng Văn R.

2. *Về con chung:* Bà Ch và ông R có được 04 người con chung đều đã trưởng thành, nên HĐXX không xem xét.

3. *Về chia tài sản chung và nợ chung:* Bà Ch không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

4. *Về án phí:* Bà Ch phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006839 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Bà Ch có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông R vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND H. U Minh Thượng;*
- *Cơ quan THA Dân sự H. U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh